

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN VPR

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN VPR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VPR DEVELOPMENT INVESTMENT REAL ESTATE MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VPR LAND

2. Mã số doanh nghiệp: 0109644972

3. Ngày thành lập: 24/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3 Lô 04 Khu N2 - Ngõ 01 đường Nguyễn Hoàng Tôn , Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989196772

Fax:

Email: vpmland@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
3.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
4.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
5.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
6.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
7.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
8.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
9.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
10.	Thu gom rác thải độc hại	3812
11.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
12.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
13.	Tái chế phế liệu	3830
14.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
15.	Xây dựng nhà để ở	4101
16.	Xây dựng nhà không để ở	4102
17.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
18.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
19.	Xây dựng công trình điện	4221
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Xây dựng công trình thủy	4291
24.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
25.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
33.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
34.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
35.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
36.	Bán buôn thực phẩm	4632
37.	Bán buôn đồ uống	4633
38.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán buôn tổng hợp	4690
46.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
50.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
51.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
52.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
53.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
58.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
59.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ: bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí, vàng)	4773
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
65.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
66.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ: bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí, vàng)	4789
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá, không bao gồm đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Cơ sở lưu trú khác	5590
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
75.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
76.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
77.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010

78.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
79.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
80.	Quảng cáo	7310
81.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
82.	Hoạt động thú y	7500
83.	Cho thuê xe có động cơ	7710
84.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
85.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
86.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
88.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
89.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
90.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
91.	Đại lý du lịch	7911
92.	Điều hành tua du lịch	7912
93.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
94.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
95.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
96.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
97.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
98.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
99.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
100.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
101.	Dịch vụ đóng gói	8292
102.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
103.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
104.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
105.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
106.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
107.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản nhảy)	9329
108.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
109.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820

6. Vốn điều lệ: 270.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 27.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÁC DỰ ÁN VIỆT NAM	Tầng 2 Nhà số 04 -N2 ngõ 1 đường Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	16.200. 000	162.000.000.00 0	60,000	0106043067	
			Tổng số	16.200. 000	162.000.000.00 0	60,000		
2	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Lô 04 khu N2 ngõ 1 đường Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.700.0 00	27.000.000.000	10,000	C8290963	
			Tổng số	2.700.0 00	27.000.000.000	10,000		
3	TRẦN HỒNG HẠNH LINH	Lô 04 khu N2 ngõ 1 đường Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.700.0 00	27.000.000.000	10,000	C8290964	
			Tổng số	2.700.0 00	27.000.000.000	10,000		
4	TRẦN ANH TUẤN	Lô 04 khu N2 ngõ 1 đường Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.700.0 00	27.000.000.000	10,000	C0498441	
			Tổng số	2.700.0 00	27.000.000.000	10,000		
5	NGUYỄN VĂN THẮNG	Số nhà 11 ngách 28/321, tổ 11, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.350.0 00	13.500.000.000	5,000	0010670067 13	
			Tổng số	1.350.0 00	13.500.000.000	5,000		

6	NGUYỄN QUANG VINH	Số nhà 4, Tổ 27, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.350.000	13.500.000.000	5,000	001056009906	
			Tổng số	1.350.000	13.500.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/07/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001067006713

Ngày cấp: 10/08/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 11 ngách 28/321, tổ 11, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 11 ngách 28/321, tổ 11, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội